

Số: **96** /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày **29** tháng 12 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 2341/STNMT-CCBVMT ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Trung tâm thương mại GO! Thái Bình của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật;*

*Xét Văn bản số 3107/BĐSVN ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật về việc cấp Giấy phép môi trường cho Trung tâm thương mại GO! Thái Bình và hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh kèm theo Văn bản giải trình số 23/GO ngày 23 tháng 11 năm 2023;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 696/TTr-STNMT ngày 22 tháng 12 năm 2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật, địa chỉ tại số 222, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm thương mại GO! Thái Bình với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Trung tâm thương mại GO! Thái Bình.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Trần Thái Tông, tổ 1, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh



nghiệp: 0102853832 đăng ký lần đầu ngày 18/8/2014, thay đổi lần thứ mười ba ngày 26/10/2022 tại Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 3258551634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 18/6/2020.

1.4. Mã số thuế: 0102853832.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh bất động sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Tổng diện tích sử dụng đất: 21.491,5 m<sup>2</sup> (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ "CS" 04725 ngày 28/9/2022).

- Đầu tư xây dựng khối Trung tâm thương mại cao 2 tầng và 1 tầng tum kỹ thuật, cụ thể:

+ Tầng 1 diện tích 11.963 m<sup>2</sup> gồm: Khu đỗ xe trong nhà; siêu thị điện máy; khu mua sắm, ki-ốt, các gian hàng thương mại cho thuê, dịch vụ ăn uống, không gian thương mại mở; các khu phụ trợ; sàn lửng tầng 1 diện tích 4.503 m<sup>2</sup> là khu đỗ xe trong nhà.

+ Tầng 2 diện tích 12.399 m<sup>2</sup> gồm: Khu siêu thị tổng hợp Go!Market; khu không gian ẩm thực; cửa hàng một giá, khu vui chơi giải trí; khu mua sắm, ki-ốt, các gian hàng thương mại cho thuê, dịch vụ ăn uống, không gian thương mại mở, các khu phụ trợ; sàn lửng tại tầng 2 diện tích 640 m<sup>2</sup> là khu văn phòng điều hành.

+ Tầng tum kỹ thuật diện tích 437 m<sup>2</sup>.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ, bảo vệ môi trường.

- Quy mô tổng vốn đầu tư: Khoảng 550 tỷ đồng (theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3258551634).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.



**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

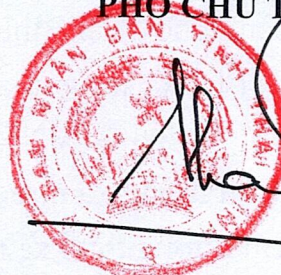
**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / 12

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND thành phố Thái Bình;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty CP Bất động sản Việt - Nhật;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT. /

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Văn Hoàn**



### Phụ lục 01

## **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số **96** /GPMT-UBND ngày **29** tháng **12** năm **2023** của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

#### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh số 01 tại tầng 01;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh số 02 tại tầng 01;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh số 03 tại tầng 01;
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh số 04 tại tầng 01;
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh số 05 tại tầng 02;
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh số 06 tại tầng 02;
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh số 07 tại tầng 02;
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh số 08 tại tầng 02;
- Nguồn số 09: Nước thải từ nhà hàng (cửa hàng ăn uống) số 01 tại tầng 01;
- Nguồn số 10: Nước thải từ nhà hàng (cửa hàng ăn uống) số 02 tại tầng 01;
- Nguồn số 11: Nước thải từ nhà hàng (cửa hàng ăn uống) số 03 tại tầng 01;
- Nguồn số 12: Nước thải từ nhà hàng (cửa hàng ăn uống) số 04 tại tầng 01;
- Nguồn số 13: Nước thải từ nhà hàng (cửa hàng ăn uống) số 05 tại tầng 02;
- Nguồn số 14: Nước thải từ nhà hàng (cửa hàng ăn uống) số 06 tại tầng 02;
- Nguồn số 15: Nước thải từ khu bếp + làm bánh của siêu thị Go.

#### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Bạch thuộc địa phận phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2.3. Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả thải:  $X_{(m)} = 2261203.765$ ;  $Y_{(m)} = 585642.067$  (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $180 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  ( $7,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ).

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (Cột A giá trị  $C_{\max}$  với hệ số  $K = 1,0$ ), cụ thể như sau:



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục theo quy định	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	–	5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	06 tháng/lần (theo đề xuất của chủ cơ sở)
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )(tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ các nguồn phát sinh từ các tầng được thu gom bằng các tuyến ống có đường kính lần lượt: 100 mm, 125 mm, 150 mm dẫn xuống bể tự hoại, bể tách mỡ, tách bột; sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC đường kính 140 - 160 mm.

- Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý tập trung thoát ra kênh Bạch bằng đường ống PVC đường kính 200 mm.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ: Nước thải → (bể tự hoại, bể tách mỡ, bể tách bột) → bể điều hòa → bể thiếu khí (anoxic) → bể hiếu khí kết hợp MBR → bể lắng → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → kênh Bạch.

- Công suất thiết kế: 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm.



- Hóa chất sử dụng: Chlorine dạng bột.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### 1.4. Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ nâng cao tuổi thọ công trình và đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống; trang bị các thiết bị dự phòng như: Máy bơm nước thải, bơm hóa chất...; tuân thủ đúng các bước vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Biện pháp ứng phó: Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động hoặc nước thải sau xử lý không đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A (giá trị  $C_{max}$ ,  $K=1,0$ ) nhân viên kỹ thuật sẽ tiến hành kiểm tra hoạt động của thiết bị, nhật ký vận hành hệ thống, liên hệ đơn vị bảo dưỡng xác định nguyên nhân. Trong thời gian chờ khắc phục, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời tại bể điều hòa của hệ thống, trường hợp không đủ dung tích lưu giữ tạm thời chờ khắc phục, thuê đơn vị chức năng hút nước thải, vận chuyển đi xử lý theo quy định trong thời gian chờ khắc phục, sửa chữa hệ thống. Trường hợp sự cố mất điện sử dụng bằng máy phát điện dự phòng.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom nước thải; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn thải bảo đảm hệ thống luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Thường xuyên vận hành hiệu quả trạm xử lý nước thải, kiểm tra các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo quy định.

3.5. Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vượt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.



**Phụ lục 02****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 96 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:**

Trồng cây xanh xung quanh Trung tâm thương mại để tạo bóng mát, giảm thiểu bụi phát tán trong không khí; thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ sân, hành lang, đường nội bộ; bố trí khu vực để xe hợp lý; xây dựng hệ thống xử lý nước thải ngầm dưới đường nội bộ, che kín các bể xử lý bằng nắp bê tông cốt thép chịu lực giảm thiểu khả năng phát tán mùi ra môi trường; thuê đơn vị chức năng đến thu gom bùn thải định kỳ 3 tháng/lần không để tình trạng bùn tồn đọng lâu ngày gây ra mùi hôi.



**Phụ lục 03****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **96** /GPMT-UBND ngày **29** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ vị trí đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ vị trí đặt máy sục khí của hệ thống xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.**

- Nguồn số 01: Tọa độ  $X_{(m)} = 2261185.127$ ;  $Y_{(m)} = 585396.210$ .
- Nguồn số 02: Tọa độ  $X_{(m)} = 2261218.120$ ;  $Y_{(m)} = 585385.045$ .

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn cụ thể như sau:**

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

- Giới hạn cho phép của tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Giới hạn cho phép của độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

Quy định về giới hạn tốc độ xe ra vào Trung tâm thương mại; phân luồng xuất nhập hàng hợp lý, tránh giờ cao điểm đông khách; bố trí máy phát điện, máy điều hòa trung tâm trong buồng cách âm ở khu kỹ thuật; lắp đệm chống ồn, rung trong quá trình lắp máy phát điện và các thiết bị gây ồn khác; kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ bôi trơn hoặc thay những chi tiết hỏng; thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



**Phụ lục 04****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **96** /GPMT-UBND ngày **29** tháng **12** năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu thải	150
2	Giẻ lau dính dầu, găng tay dính dầu	10
3	Hộp mực in thải	2
4	Pin, ắc quy thải	30
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	7
6	Bao bì cứng thải	25
<b>Tổng</b>		<b>224</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chủ yếu là bìa carton, vỏ hộp đựng sản phẩm, vỏ lon, palet nhựa, gỗ... khối lượng phát sinh khoảng 421 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Chủ yếu là các loại thức ăn thừa, vỏ hộp đồ ăn, đồ uống, túi nilon đựng thực phẩm... tổng khối lượng khoảng 2.809,7 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: 09 thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng.
- Khu lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 10 m<sup>2</sup>.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:**

Lưu giữ tạm thời tại 01 thùng container kích thước (Dài × Rộng × Cao) = (12 × 2,4 × 2,6) m, bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa dung tích từ 15 - 60 lít, xe đẩy tay chuyên dụng dung tích 500 lít.
- Khu lưu giữ tạm thời: Diện tích 24 m<sup>2</sup>.
- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình



thu gom, xử lý theo quy định.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 108, Điều 109, Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 72, Điều 73, Điều 74 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**Phụ lục 05****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 96 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

1. Quản lý, xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.
3. Thực hiện quan trắc định kỳ theo đúng cam kết và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.
4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
5. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.

